

CHỦ TỊCH NƯỚC

LỆNH của Chủ tịch nước số **02/2004/L-CTN** ngày **05/4/2004** về việc công bố **Pháp lệnh** của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Điều 19 của Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 51 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2004./.

**CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Trần Đức Lương

PHÁP LỆNH sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao

(số 14/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004).

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Nghị quyết số 17/2003/QH11 ngày 04 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội Khóa XI, kỳ họp thứ 4 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2004;

Pháp lệnh này sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2001.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao:

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Các khoản thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập bao gồm:

1. Thu nhập thường xuyên dưới các hình thức: tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, tiền thưởng; các khoản thu nhập từ dịch vụ khoa học, kỹ thuật, tiền bản quyền sử dụng sáng chế, nhãn hiệu, dịch vụ tin học, dịch vụ tư vấn, đào tạo, dịch vụ đại lý; thu nhập về tiền nhuận bút; hoa hồng môi giới; các khoản thu nhập ngoài tiền lương, tiền công do tham gia hoạt

động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ các khoản thu nhập quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh này;

2. Thu nhập không thường xuyên dưới các hình thức:

a) Chuyển giao công nghệ, trừ trường hợp biếu, tặng;

b) Trúng thưởng xổ số.”

2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3.

1. Tạm thời chưa thu thuế đối với các khoản thu nhập về lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm, lãi mua tín phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu, cổ phiếu.

2. Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập bao gồm:

a) Phụ cấp lưu động; phụ cấp độc hại, nguy hiểm; phụ cấp khu vực; phụ cấp thâm niên đối với lực lượng vũ trang, hải quan và cơ yếu; phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ, công chức; phụ cấp đặc biệt đối với một số đảo xa và vùng biên giới có điều kiện sinh hoạt đặc biệt khó khăn; phụ cấp thu hút; tiền công tác phí; tiền ăn định lượng, phụ cấp đặc thù của một số ngành, nghề theo chế độ Nhà nước quy định; các khoản phụ cấp khác từ ngân sách nhà nước;

b) Tiền thưởng về cải tiến kỹ thuật, sáng chế phát minh, các giải thưởng quốc gia, quốc tế; tiền thưởng kèm theo các danh hiệu được Nhà nước phong tặng; tiền thưởng hoặc chế độ đãi ngộ khác từ ngân sách nhà nước;

c) Tiền trợ cấp xã hội, bồi thường bảo hiểm, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp điều động về cơ sở sản xuất theo quy định của pháp luật;

d) Thu nhập của chủ hộ kinh doanh cá thể thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp;

đ) Tiền nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật.”

3. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Thu nhập thường xuyên chịu thuế là tổng số tiền thu được của từng cá nhân bình quân tháng trong năm trên 5.000.000 đồng đối với công dân Việt Nam và cá nhân khác định cư tại Việt Nam; trên 8.000.000 đồng đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam và công dân Việt Nam lao động, công tác ở nước ngoài. Riêng người nước ngoài được coi là không cư trú tại Việt Nam, thu nhập thường xuyên chịu thuế là tổng số thu nhập do làm việc tại Việt Nam.

Người nước ngoài được coi là cư trú tại Việt Nam nếu ở tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính cho 12 tháng kể từ khi đến Việt Nam; được coi là không cư trú nếu ở tại Việt Nam dưới 183 ngày.”

4. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập thường xuyên được quy định như sau:

1. Đối với công dân Việt Nam và cá nhân khác định cư tại Việt Nam:

Đơn vị tính: 1000 đồng

Bậc	Thu nhập bình quân tháng/người	Thuế suất (%)
1	Đến 5.000	0
2	Trên 5.000 đến 15.000	10
3	Trên 15.000 đến 25.000	20
4	Trên 25.000 đến 40.000	30
5	Trên 40.000	40

Đối với ca sỹ, nghệ sỹ xiếc, múa, cầu thủ bóng đá, vận động viên chuyên nghiệp được trừ 25% thu nhập khi xác định thu nhập chịu thuế.

2. Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam và công dân Việt Nam lao động, công tác ở nước ngoài:

Đơn vị tính: 1000 đồng

Bậc	Thu nhập bình quân tháng/người	Thuế suất (%)
1	Đến 8.000	0
2	Trên 8.000 đến 20.000	10
3	Trên 20.000 đến 50.000	20
4	Trên 50.000 đến 80.000	30
5	Trên 80.000	40

3. Đối với người nước ngoài được coi là không cư trú tại Việt Nam, áp dụng thuế suất 25% tổng số thu nhập."

5. Điều 11 được sửa đổi như sau:

"Điều 11. Thu nhập không thường xuyên chịu thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Pháp lệnh này là số thu nhập của từng cá nhân trong từng lần trên 15.000.000 đồng."

6. Điều 12 được sửa đổi như sau:

"Điều 12.

1. Thu nhập về chuyển giao công nghệ trên 15.000.000 đồng/lần được tính theo thuế suất 5% tổng số thu nhập.

2. Thu nhập về trúng thưởng xổ số trên 15.000.000 đồng/lần được tính theo thuế suất 10% tổng số thu nhập."

Điều 2. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2004.

Điều 3. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này./.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Chủ tịch

Nguyễn Văn An

CÁC BỘ

BỘ CÔNG NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp số 25/2004/QĐ-BCN ngày 14/4/2004 về việc chuyển Xưởng Xây lắp điện thuộc Công ty Điện lực Hải Phòng thành Công ty cổ phần Xây lắp điện Hải Phòng.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-C